

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **230** /2018/HSST

Ngày: 29/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP. HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh

2. Bà Phạm Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 232/2018/HSST ngày 26/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2018/QĐ-HSST ngày 16/8/2018 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN TUẤN M, sinh năm: 1996; HKTT và nơi ở: Tổ 05 phường P, quận Long Biên, TP. Hà Nội; Dân tộc: Kinh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 8/12; Con ông: Nguyễn Tuấn H, con bà: Phí Thị C, vợ là Lê Thị Minh P1 (Đã ly hôn), có 01 (Một) con sinh năm 2016; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số **266** lập ngày 12/4/2018 của Công an quận Long Biên, Thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo có 01 (Một) tiền án.

+ Bản án số 67/2017/HSST ngày 04/4/2017, Tòa án nhân dân quận Long Biên xử phạt 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng về tội “ Hủy hoại tài sản”.

Bị cáo bị bắt giữ ngày 12/4/2018, (Có mặt).

2. LÊ ĐỨC A, sinh năm: 1998; HKTT: Thôn T, xã T2, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Dân tộc: Kinh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12; Con ông: Lê H1, con bà: Dương Thị Thanh H2, Gia đình có 02 (Hai) anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số **304** lập ngày 03/5/2018 của Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo có 01 (Một) tiền án: Bản án số 147/2015/HSST ngày 26/10/2015, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội: “Bắt giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2015, ra trại ngày 24/12/2015.

Bị cáo bị công an quận Hoàn Kiếm bắt giữ ngày 12/01/2018 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 137/2018/HSST ngày 01/8/2018, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bản án chưa có hiệu lực pháp luật do bị cáo có kháng cáo. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1-Công an Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

3. ĐẶNG CÔNG TUẤN A, sinh năm: 1995; HKTT và nơi ở: Số 30, Tổ 04 phường P, quận Long Biên, TP. Hà Nội; Dân tộc: Kinh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông: Đặng Công C1, con bà: Nguyễn Thị Đ, Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số **303** lập ngày 03/5/2018 của Công an quận Long Biên, Thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện đang áp dụng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

***Bị hại:** Anh Lê Đức T3, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ 13 phường T4, quận Long Biên, TP. Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Ngô Hồng L, sinh năm: 1978, HKTT: Thôn L1, xã Đ1, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Hồng G, sinh năm: 1983, HKTT: Xã P2, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội. (Vắng mặt)

3. Bà Đặng Thị N, sinh năm: 1969 và anh Đỗ Đức H3 – Sinh năm: 1997, Cùng HKTT và nơi ở: 30/1 H4, Tổ 01 K, thị trấn Y, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/11/2017, Công an phường P, quận Long Biên nhận được đơn trình báo của anh Lê Đức T3 về việc: Ngày 21/11/2017 anh cho Nguyễn Tuấn M - SN: 1996, HKTT: Tổ 5 phường P, quận Long Biên mượn xe Wave α BKS: 29N1-332.74 sau đó M không mang trả lại xe cho anh.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an quận Long Biên đã điều tra, làm rõ nội dung vụ án như sau:

Khoảng 20h00' ngày 20/11/2017, Nguyễn Tuấn M mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda wave BKS: 29N1 - 332.74 của Lê Đức T3 rồi đến Văn Lâm, Hưng Yên đón Lê Đức A – SN:1998, HKTT: Thôn T, xã T2, huyện V, tỉnh Hưng Yên và Đặng Công Tuấn A – SN: 1995, HKTT: tổ 4 phường P, quận Long Biên, Hà Nội. Sau đó, cả ba quay về quận Long Biên, đến cửa hàng điện thoại ở số 9 phố Ngọc Trì, phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội cầm cố chiếc điện thoại di động Oppo Neo9 của Đức A được 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Cả ba tiếp tục đi xe máy của T3 đến gặp Ngô Hồng L – SN: 1978, HKTT: Xã Đ1, Gia Lâm, Hà Nội để mua ma túy đá. Mua được ma túy, tất cả đi về nhà của M để sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong Tuấn A bảo Đức A: “Mày ra cửa hàng điện thoại vay thêm 500.000 đồng nữa để mua ma túy đá chơi tiếp”, Đức A đồng ý. Đức A đi ra cửa hàng điện thoại vay thêm 500.000 đồng. Vay được tiền, cả ba lại đến nhà L mua ma túy đá về sử dụng. Mua xong, khi về đến nhà M thì gặp T3 chờ ở cửa. Sau đó, Tuấn A, Đức A, M vào nhà M cùng nhau sử dụng ma túy, còn T3 lấy xe máy ra quán “Game Chiến” ở tổ 5 phường P, Long Biên ngồi chơi. Đến khoảng 4h ngày 21/11/2017, khi sử dụng ma túy xong, Tuấn A, Đức A, Tuấn M ngồi nói chuyện với nhau. Lúc này, Đặng Công Tuấn A nói với M và Đức A: “Lấy xe máy của thằng T3 mang đi cầm để lấy tiền chuộc điện thoại của Đức A về”. Tất cả đồng ý. Tuấn A phân công M là người sẽ vờ hỏi mượn xe máy của T3 để chở Đức A về rồi mang đi cầm cố (do M là bạn của T3, mượn xe sẽ dễ dàng hơn). Tuấn A hỏi Đức A đã có chỗ cầm xe chưa thì Đức A nói có rồi. Để thực hiện việc chiếm đoạt xe của T3, cả 03 người gồm M, Tuấn A, Đức A ra quán “game Chiến” gặp T3. Tại đây, Tuấn A và Đức A đứng ở ngoài chờ còn M đi vào gặp T3 và nói “mày cho tao mượn xe máy để chở Đức A về”. T3 tưởng thật đưa chìa khóa xe máy cho M mượn. Sau khi nhận xe từ T3, M điều khiển xe chở Đức A đến nhà L còn Tuấn A ở lại quán Game chơi tiếp cùng với T3. Tại nhà L, Đức A vay L với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và để lại chiếc xe máy vừa mượn của T3 để làm tin (Đức A không nói

cho L biết về nguồn gốc xe) và hẹn L hôm sau quay lại trả tiền và mang xe về. Tuy nhiên, L không có đủ tiền nên L đưa cho Đức A 1.700.000 đồng (Một triệu, bảy trăm ngàn đồng) và một gói ma túy đá. Sau đó, Đức A đưa cho M gói ma túy đá và số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) còn 1.500.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) Đức A cầm đi chuộc điện thoại hết 1.100.000 đồng, số tiền còn lại Đức A sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Cầm ma túy và tiền xong M đi về quán “Game Chiến” gặp Tuấn A, M nói với Tuấn A là đã cầm cố chiếc xe của T3, M được chia 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). M nói với T3 là bị Đức A lừa xe đi mất. Đến ngày 27/11/2017, Lê Đức T3 đã đến Công an phường Phúc Đồng để trình báo vụ việc trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐ ngày 09/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Long Biên đã xác định: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave BKS: 29N1 - 33274 màu đen – xám – bạc đã qua sử dụng trị giá 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên đã thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam đối với bị can Nguyễn Tuấn M tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 5 - Hà Nội. Bị can Lê Đức A hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Hoàn Kiếm khởi tố và tạm giam.

Tại cơ quan điều tra Đặng Công Tuấn A, Lê Đức A, Nguyễn Tuấn M cũng đã khai nhận toàn bộ nội dung hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập và làm việc với Ngô Hồng L. Tại Cơ quan điều tra, L khai nhận:

Ngô Hồng L và Đức A có quan hệ quen biết xã hội. Khoảng 5h chiều ngày 21/11/2017, Lê Đức A đến nhà của L để vay tiền. L đồng ý cho Đức A vay số tiền 1.700.000 đồng, Đức A để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda wave BKS: 29N1 - 33274 để làm tin (Đức A không nói cho L biết nguồn gốc của xe máy trên và bảo L giấy tờ của xe máy bố mẹ Đức A cầm). Đức A hẹn với L hôm sau sẽ quay lại trả tiền và lấy lại xe.

Do không thấy Đức A quay lại lấy xe như đã thỏa thuận, L đã gọi điện thoại cho Đức A hỏi thì Đức A nói với L không có tiền chuộc xe về và Đức A đồng ý để L bán chiếc xe nói trên, giấy tờ xe Đức A sẽ đưa lại cho L sau.

Sau đó, L đã gọi điện thoại cho Nguyễn Hồng G - SN: 1983, HKTT: xã P2, Gia Lâm, Hà Nội (tên gọi khác là G2 “ xế”) nhờ G tìm người mua xe máy của Đức A. Vài ngày sau, G gặp một người đàn ông (G không rõ nhân thân lai lịch) nói cần mua xe. G đã đưa người đàn ông này đến gặp L sau đó G đi về nhà. L đã bán cho người đàn ông do G đưa đến chiếc xe máy nhãn hiệu Honda wave BKS: 29N1 -

33274 với giá 5.000.000 đồng. Do xe chưa đủ giấy tờ nên người đàn ông này đưa trước cho L 1.700.000 đồng, số tiền còn lại sẽ giao đủ khi có giấy tờ xe. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hồng L khai không biết nguồn gốc chiếc xe máy mà Đức A để lại là do phạm tội mà có, do vậy Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý L về hình sự đối với hành vi này. Đối với việc Đức A khai mua ma túy của Nguyễn Hồng L để sử dụng, tại Cơ quan điều tra, L không thừa nhận đã bán ma túy cho Đức A. Ngoài lời khai của Đức A và M ra, Cơ quan điều tra không có tài liệu nào khác chứng minh Ngô Hồng L có hành vi bán ma túy do vậy Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự đối với L về hành vi Mua bán ma túy.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã làm việc với Nguyễn Hồng G (Hiện đang bị Công an thành phố Hà Nội khởi tố, tạm giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy), Giang khai nhận: Khoảng tháng 11/2017 L gọi điện nhờ G tìm người mua xe máy, G đồng ý. Vài ngày sau, G gặp một người đàn ông (G không biết rõ nhân thân lai lịch) có nhu cầu mua xe máy, G đã dẫn người đàn ông này đến gặp L để thỏa thuận mua bán xe. Việc mua bán xe giữa L và người đàn ông này như thế nào G không biết. G khai không biết gì về nguồn gốc chiếc xe máy mà L nhờ bán do vậy Cơ quan điều tra Công an quận Long Biên không đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với G.

Cơ quan điều tra Công an quận Long Biên đã xác định đăng kí xe máy Honda wave BKS: 29N1 - 33274 mang tên: Đặng Thị N - SN: 1969, HKTT: Tổ 1 K, Y, Gia Lâm, Hà Nội. Ngày 20/11/2017 con trai bà N là anh Đỗ Đức H - SN: 1997 sử dụng chiếc xe này sau đó anh H cho Lê Đức T3 mượn xe. Anh T3 đã sử dụng xe sau đó bị Đặng Công Tuấn A, Lê Đức A, Nguyễn Tuấn M lừa đảo chiếm đoạt như nội dung nêu trên. Hiện nay, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc xe Honda wave BKS: 29N1 -33274, anh T3 yêu cầu các bị can bồi thường số tiền tương đương trị giá chiếc xe máy nói trên để anh hoàn trả cho anh H và bà N. Bà N yêu cầu anh T3 bồi thường giá trị chiếc xe trên.

Tiến hành làm việc với bà Đặng Thị T6- SN: 1984, là chủ cửa hàng điện thoại di động ở số 9 N3, T7, Long Biên, Hà Nội, chị T6 khai ngày 20/11/2017 Đức A có đến cửa hàng của chị để bán điện thoại OPPO neo 9 nhưng chị T6 không mua. Chị T6 khẳng định chị không nhận cầm cố điện thoại của Đức A. Sau đó Đức A bán điện thoại cho ai chị không biết. Ngoài lời khai của Đức A, cơ quan cảnh sát điều tra không có tài liệu nào khác chứng minh Đặng Thị T6 có hành vi cầm cố điện thoại của Đức A do vậy Cơ quan điều tra không xử lý đối với Đặng Thị T6.

Tại bản cáo trạng số 228/CT-VKS ngày 20/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Nguyễn Tuấn M, Lê Đức A và Đặng Công Tuấn A về tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Tuấn M, Lê Đức A và Đặng Công Tuấn A đã đủ yếu tố cấu thành tội: **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** nên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Tuy nhiên xét thời điểm phạm tội cũng như so sánh điều khoản của hai điều luật tương ứng (Khoản 1 Điều 139BLHS 1999 và khoản 1 của Điều 174 BLHS 2015 thì thấy khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 có những chi tiết cụ thể không có lợi cho người phạm tội. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 139 BLHS 1999 để xét xử các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139BLHS 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn M với mức án từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 5 Điều 65 chuyển án treo thành án giam và áp dụng Điều 56 BLHS 2015 để tổng hợp hình phạt. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 06 (Sáu) tháng tù của Bản án số 67/2017/HSST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xử phạt bị cáo về tội “Hủy hoại tài sản” và chấp hành mức án của bản án này.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139 BLHS 1999, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đức A với mức án từ 10 đến 12 tháng tù.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139 BLHS 1999, điểm b,i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công Tuấn A với mức án từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 đến 20 tháng.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về dân sự: Bị cáo Đặng Công Tuấn A đã tự nguyện bồi thường 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Bị cáo Lê Đức A tự nguyện bồi thường 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). (Do bố bị cáo ông Lê H1 tự nguyện cho bị cáo số tiền trên để bồi thường). Số tiền còn lại đề nghị Hội đồng xét xử buộc hai bị cáo Lê Đức A và Nguyễn Tuấn M liên đới tiếp tục bồi thường cho người bị hại anh Lê Đức T3 theo

tỷ lệ sử dụng ăn tiêu khoản tiền trên. Buộc anh Lê Đức T3 bồi thường cho bà N số tiền 13.000.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Tuấn M, Lê Đức A và Đặng Công Tuấn A trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ăn năn hối hận và mong muốn được sự khoan hồng để có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản sự việc, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản xác định hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, bản kết luận định giá tài sản của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16h ngày 21/11/2017, tại quán Game “Chiến” ở tổ 5 phường P, quận Long Biên, TP. Hà Nội, Đặng Công Tuấn A, Lê Đức A, Nguyễn Tuấn M cùng nhau bàn bạc, dùng thủ đoạn gian dối giả mượn xe máy để đi có việc nhưng thực chất là để nhằm chiếm đoạt chiếc xe này mang đi cầm cố lấy tiền chuộc điện thoại của Lê Đức Anh (đã cầm cố từ trước) và lấy tiền tiêu xài. Sau khi bàn bạc, cả ba bị cáo đã thống nhất phân công cho bị cáo Nguyễn Tuấn M là người đi hỏi mượn xe của anh T3 vì anh T3 là bạn của M. Anh Lê Đức T3 đã tin tưởng và giao chiếc xe máy nhãn hiệu Wave α BKS: 29N1-332.74 của anh Lê Đức T3 trị giá 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) cho M. Sau khi lấy được xe thì bị cáo M và bị cáo Đức A cùng nhau đi cầm cố chiếc xe

máy nêu trên và đã thực hiện được số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng).

Hành vi của các bị cáo Đặng Công Tuấn A, Lê Đức A, Nguyễn Tuấn M ngày 21/11/2017 đã phạm vào tội: **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999. So sánh quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 với khoản 1 Điều 139 BLHS 1999 thì thấy về mức hình phạt của hai điều luật này là như nhau, nhưng khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 còn có các quy định chi tiết không có lợi cho người phạm tội. Vì vậy việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa thay đổi việc áp dụng pháp luật với các bị cáo, đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 139 BLHS 1999 để xét xử các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Các bị cáo khẳng định hành vi của bị cáo nhằm mục đích để có tiền chi tiêu cho cá nhân, không có mục đích nào khác. Các bị cáo nhận thấy việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng cho các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, tiếp tay cho tệ nạn và các tội phạm về xâm phạm sở hữu đang gia tăng trong xã hội, làm mất trật tự trị an xã hội.

[3] Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa đã làm rõ các bị cáo đã cùng nhau bàn bạc kế hoạch sẽ nói dối mượn xe anh Lê Đức T3 để đi có việc sau đó thì đem cầm cố lấy tiền tiêu xài. Bị cáo M là người trực tiếp hỏi mượn xe, bị cáo M và bị cáo Lê Đức A là người đi cầm cố xe được khoản tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng), trong lúc đó bị cáo Đặng Công Tuấn A có tham gia bàn bạc kế hoạch nhưng lại ở tại quán nét chơi game chờ hai bị cáo M và Đức A đi lấy xe và cầm cố xe lấy tiền về. Tại phiên tòa cũng đã làm rõ việc sử dụng số tiền bán xe máy của anh T3 như sau: Bị cáo M được chia 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), bị cáo M và bị cáo Đức A cùng chi thuê xe taxi và ăn uống hết 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng), số tiền còn lại 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng) thì bị cáo Đức A đã chuộc điện thoại và tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo Đặng Công Tuấn A không được ăn chia số tiền nêu trên.

Quá trình tố tụng các bị cáo đã thật thà khai báo về hành vi của mình, hiện các bị cáo đều nhận thức được việc làm của mình là sai trái, ăn năn hối cải (Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS). Bị cáo Nguyễn Tuấn M phạm tội đang trong thời gian thử thách 12 tháng về tội “ Hủy hoại tài sản” theo Bản án số 67/2017/HSST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân

quận Long Biên xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạm tội lần này là tái phạm thuộc tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo giáo dục bị cáo cũng như công tác răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Đồng thời cần áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 65, Điều 56 BLHS 2015 để chuyển án treo thành án giam, tổng hợp hình phạt của cả hai bản án để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Bị cáo Lê Đức A có 01 (Một) tiền án: Bản án số 147/2015/HSST ngày 26/10/2015, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội xử phạt 08 (Tám) tháng tù về tội: “Bắt giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2015, ra trại ngày 24/12/2015. (Đã xóa). Hiện bị cáo bị xử phạt 03 (Ba) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 137/2018/HSST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm (Bản án này chưa có hiệu lực pháp luật do bị cáo đang có kháng cáo). Mặc dù bản án số 147/2015/HSST ngày 26/10/2015, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội đã được xóa án tích, nhưng cũng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo giáo dục đối với bị cáo cũng như đảm bảo công tác răn đe phòng ngừa tội phạm. Vì bản án số 137/2018/HSST ngày 1/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử bị cáo chưa có hiệu lực pháp luật nên HĐXX không tổng hợp hình phạt trong bản án này. Tuy nhiên, HĐXX cũng xem xét tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động tới gia đình và gia đình đã tự nguyện cho bị cáo khoản tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả, ông bà nội của bị cáo là người có công cách mạng nên áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Đặng Công Tuấn A phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1, Điều 51 BLHS). Bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả, số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) vào Ngân sách nhà nước theo Biên lai thu tiền số 5155 ngày 23/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó đối với bị cáo HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cần áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, để cho bị cáo có cơ hội lao động, phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát (VKS) đề nghị áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Tuấn M và Lê Đức A, hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với Đặng Công Tuấn A là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 điều 139 Bộ luật hình sự 1999 cho bị cáo. Đại diện VKS đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Về xử lý vật chứng: Không.

[4] Về dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại anh Lê Đức T3 số tiền trị giá chiếc xe máy là 13.000.000 đồng do xe không thu hồi được. Bị cáo Đặng Công Tuấn A đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), bị cáo Lê Đức A đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả 2.000.000 đồng. Hai khoản tiền này sẽ dùng để bồi thường cho bị hại Lê Đức T3. Như vậy còn lại số tiền 7.000.000 đồng chưa bồi thường. HĐXX nhận định hai bị cáo Lê Đức A và Nguyễn Tuấn M là người trực tiếp mượn xe và cầm cố xe, là người cùng nhau ăn chia số tiền bán xe máy của anh T3 nên hai bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục bồi thường cho anh Lê Đức T3 khoản tiền trên. Bị cáo M được chia 200.000 đồng và tiêu 200.000 đồng tiền taxi với Đức A, tổng cộng là 400.000 đồng, bị cáo Đức A đã tiêu xài 1.300.000 đồng. Áp dụng Điều 30 BLTTHS 2015, Điều 587 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường cho những người bị hại có yêu cầu. HĐXX buộc bị cáo Nguyễn Tuấn M phải bồi thường tiếp cho anh T3 số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) và buộc bị cáo Lê Đức A phải bồi thường tiếp cho anh T3 số tiền 5.400.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm ngàn đồng). Vì các bị cáo đã phải bồi thường cho bị hại nên không buộc các bị cáo phải truy nộp số tiền 1.700.000 đồng do phạm tội mà có.

Xét yêu cầu của bà Đặng Thị N yêu cầu anh Lê Đức T3 phải bồi thường cho bà Đặng Thị N số tiền 13.000.000 đồng là trị giá chiếc xe máy bà cho T3 mượn bị lừa mất, HĐXX thấy yêu cầu trên là chính đáng nên áp dụng Điều 30 BLTTHS 2015, Điều 587 Bộ luật dân sự buộc anh T3 bồi thường cho bà Nhất.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Buộc các bị cáo Nguyễn Tuấn M, Lê Đức A và Đặng Công Tuấn A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST. Bị cáo Đặng Công Tuấn A chịu

300.000 đồng án phí DSST; bị cáo Lê Đức A chịu 370.000 đồng án phí DSST và bị cáo Nguyễn Tuấn M chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Anh Lê Đức T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 650.000 đồng.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Tuấn M, Lê Đức A và Đặng Công Tuấn A** phạm tội **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999;
- Áp dụng Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, Điều 56 BLHS 2015;
- Áp dụng Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Xử phạt: **Nguyễn Tuấn M 15 (Mười lăm)** tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tổng hợp với hình phạt **06 (Sáu)** tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” của Bản án số 67/2017/HSST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **21 (Hai mươi một)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2018.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999;
- Áp dụng Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự
- Áp dụng Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Xử phạt: **Lê Đức A 14 (Mười bốn)** tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999;
- Áp dụng khoản 5 Điều 65, điểm b, i, s khoản 1 BLHS 2015;

- Áp dụng Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Xử phạt: **Đặng Công Tuấn A 10 (Mười)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Công Tuấn A về Ủy ban nhân dân phường P, quận Long Biên, TP. Hà Nội để giám sát giáo dục bị cáo trong thời hạn thử thách của bản án. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về tang vật: Không.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 30 BLTTHS 2015, Điều 587 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho ng-ời bị hại có yêu cầu anh Lê Đức T3 số tiền 13.000.000 đồng. (Mười ba triệu đồng).

Bị cáo Đặng Công Tuấn A đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả để bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), bị cáo Lê Đức A đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả để bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), tổng cộng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Trả lại cho anh Lê Đức T3 khoản tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) mà hai bị cáo Tuấn A và Đức A đã nộp tại Biên lai thu số 5155 ngày 23.7.2018 và Biên lai số 5186 ngày 27/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Buộc hai bị cáo Nguyễn Tuấn M và Lê Đức A tiếp tục bồi thường cho bị hại anh Lê Đức T3 khoản tiền 7.000.000 đồng. (Bảy triệu đồng). Chia phần bị cáo Nguyễn Tuấn M phải bồi thường số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) và bị cáo Lê Đức A phải tiếp tục bồi thường số tiền 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Buộc anh Lê Đức T3 phải bồi thường cho bà Đặng Thị N số tiền trị giá chiếc xe máy là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Buộc các bị cáo Nguyễn Tuấn M, Lê Đức A và Đặng Công Tuấn A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST.

Bị cáo Đặng Công Tuấn A chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST; bị cáo Lê Đức A chịu 370.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí DSST và bị cáo Nguyễn Tuấn M chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST.

Anh Lê Đức T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Án xử công khai sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên;
- Sở Tư pháp T.P Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Ủy ban nhân dân phường P, quận Long Biên, TP.Hà Nội để giám sát giáo dục bị cáo Nguyễn Đặng Tuấn A trong thời gian thử thách của bản án)
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ, lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hằng